

THỜI KHÓA BIỂU SỐ 10_HK2_NĂM HỌC 2022-2023 ÁP DỤNG TỪ NGÀY 09/01/2023

Thứ	Buổi	Tiết	10C1	10C2	10C3	10C4	10C5	10C6	10C7	10C8	10C9
2	S	1									
		2									
		3	Ngoại ngữ-Tuyên (Anh)	Hóa học-Duy (Hóa)	Lịch Sử-Loan (Sử)	Tin học-ttntrieu	GDKT-PL-Hiền (CD)	Địa Lí-Kiên	Ngoại ngữ-Khoa	Ngoại ngữ-Phát	Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)
		4	Ngoại ngữ-Tuyên (Anh)	Hóa học-Duy (Hóa)	Hóa học-Vinh	Toán-Tuyền (Toán)	Lịch Sử-Loan (Sử)	Ngữ văn-Linh (Văn)	Ngoại ngữ-Khoa	HĐTN-Hiền (CD)	Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)
		5	HĐTN-T. Tổng	HĐTN-Diễm	HĐTN-Anh	ĐTN-Hương (Đ)	ĐTN-Hương (C)	ĐTN-Tuyên (A)	HĐTN-Thảo	ĐTN-Hiền (C)	HĐTN-Nhàn
	C	1	Ngoại ngữ-Tuyên (Anh)	Ngoại ngữ-Ngọc (Anh)	Ngoại ngữ-Phát	Ngoại ngữ-Duyên	Toán-Thoa	Lịch Sử-Ngọc (Sử)	Ngữ văn-Thành	GDKT-PL-Hương (CD)	Địa Lí-Kiên
		2	Ngoại ngữ-Tuyên (Anh)	Ngoại ngữ-Ngọc (Anh)	Ngoại ngữ-Phát	Ngoại ngữ-Duyên	Lịch Sử-Loan (Sử)	Lịch Sử-Ngọc (Sử)	Hóa học-Anh	Toán-Phước	Địa Lí-Kiên
		3	Tin học-ttntrieu	Toán-Hùng	Toán-Phước	Ngữ văn-Nhàn	Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)	HĐTN-Tuyên (Anh)	HĐTN-Thảo	Ngoại ngữ-Phát	Lịch Sử-Ngọc (Sử)
		4	Tin học-ttntrieu	Toán-Hùng	Toán-Phước	Ngữ văn-Nhàn	Ngữ văn-Thành	Ngoại ngữ-Tuyên (Anh)	HĐTN-Thảo	Ngoại ngữ-Phát	Lịch Sử-Ngọc (Sử)
		5									
3	S	1	AVBN-AVBNI-Tuyên (Anh)	Ngữ văn-Lan	Ngoại ngữ-Phát	Vật lí-Quyên	HĐTN-Hương (CD)	Ngữ văn-Linh (Văn)	GDKT-PL-Hiền (CD)	Ngữ văn-Diễm	HĐTN-Nhàn
		2	Hóa học-Hồng	Vật lí-Thái (Lí)	Sinh học-Uyên	Vật lí-Quyên	GD QP-AN-Hoàng	Vật lí-Duy	AVBN-AVBNI-Khoa	Ngữ văn-Diễm	GDKT-PL-Hiền (CD)
		3	Hóa học-Hồng	Vật lí-Thái (Lí)	Vật lí-Duy	GDKT-PL-Hương (CD)	Ngữ văn-Thành	Ngoại ngữ-Tuyên (Anh)	Ngoại ngữ-Khoa	HĐTN-Hiền (CD)	GD QP-AN-Linh (QP)
		4	HĐTN-T. Tổng	Hóa học-Duy (Hóa)	Vật lí-Duy	Ngoại ngữ-Duyên	Vật lí-Thái (Lí)	GD QP-AN-Huân	Ngữ văn-Thành	Ngoại ngữ-Phát	Ngữ văn-Đức (Văn)
		5	HĐTN-T. Tổng	HĐTN-Diễm	GD QP-AN-Hoàng	Ngoại ngữ-Duyên	GDKT-PL-Hiền (CD)	HĐTN-Tuyên (Anh)	Ngữ văn-Thành	Hóa học-Hồng	Ngữ văn-Đức (Văn)
	C	1	GD QP-AN-Linh (QP)	Sinh học-Thủy	Vật lí-Duy	Ngoại ngữ-Duyên					
		2	Ngữ văn-Đức (Văn)	Sinh học-Thủy	Ngoại ngữ-Phát	AVBN-AVBNI-Duyên					
		3	Ngữ văn-Đức (Văn)	Ngoại ngữ-Ngọc (Anh)	Ngữ văn-Linh (Văn)	Ngữ văn-Nhàn					
		4	Vật lí-Quyên	Ngoại ngữ-Ngọc (Anh)	Ngữ văn-Linh (Văn)	Địa Lí-Hương (Địa)					
		5									
4	S	1	Lịch Sử-Dung (Sử)	Lịch Sử-Ngọc (Sử)	Toán-Phước	Địa Lí-Hương (Địa)	Lịch Sử-Loan (Sử)	Ngoại ngữ-Tuyên (Anh)	Địa Lí-Kiên	GD QP-AN-Hoàng	Tin học-Dung (Tin)
		2	Sinh học-Uyên	Tin học-Quỳnh (Tin)	Toán-Phước	Địa Lí-Hương (Địa)	Địa Lí-Kiên	Ngoại ngữ-Tuyên (Anh)	GD QP-AN-Linh (QP)	Lịch Sử-Loan (Sử)	GDKT-PL-Hiền (CD)
		3	Sinh học-Uyên	Toán-Hùng	Tin học-Dung (Tin)	Lịch Sử-Dung (Sử)	AVBN-AVBNI-Quỳnh (AV)	Lịch Sử-Ngọc (Sử)	GDKT-PL-Hiền (CD)	GDKT-PL-Hương (CD)	Toán-Châu
		4	Toán-Châu	Toán-Hùng	Lịch Sử-Loan (Sử)	Lịch Sử-Dung (Sử)	Toán-Thoa	GDKT-PL-Hương (CD)	Lịch Sử-Diên	Địa Lí-Kiên	Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)
		5	Toán-Châu	Ngoại ngữ-Ngọc (Anh)	Ngoại ngữ-Phát	Toán-Tuyền (Toán)	Toán-Thoa	AVBN-AVBNI-Tuyên (Anh)	Toán-Hiền	Toán-Phước	Địa Lí-Kiên
	C	1									
		2									
		3									
		4									
		5									
5	S	1	Toán-Châu	Ngữ văn-Lan	Sinh học-Uyên	Tin học-ttntrieu	Tin học-Quỳnh (Tin)	Lịch Sử-Ngọc (Sử)	Địa Lí-Kiên	Ngữ văn-Diễm	AVBN-AVBNI-Quỳnh (AV)
		2	Toán-Châu	Ngữ văn-Lan	Hóa học-Vinh	Toán-Tuyền (Toán)	Ngữ văn-Thành	Địa Lí-Kiên	Ngoại ngữ-Khoa	AVBN-AVBNI-Phát	Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)
		3	Ngữ văn-Đức (Văn)	HĐTN-Diễm	AVBN-AVBNI-Phát	Toán-Tuyền (Toán)	Ngữ văn-Thành	Địa Lí-Kiên	Ngoại ngữ-Khoa	Lịch Sử-Loan (Sử)	Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)
		4	Ngoại ngữ-Tuyên (Anh)	Tin học-Quỳnh (Tin)	Ngữ văn-Linh (Văn)	Lịch Sử-Dung (Sử)	Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)	Toán-Điệp	Toán-Hiền	Lịch Sử-Loan (Sử)	Ngữ văn-Đức (Văn)
		5	Sinh học-Uyên	AVBN-Ngọc (Anh)-AVBN	Ngữ văn-Linh (Văn)	Ngữ văn-Nhàn	Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)	Toán-Điệp	Toán-Hiền	Địa Lí-Kiên	Ngữ văn-Đức (Văn)
	C	1					Ngoại ngữ-Tuyên (Anh)	Ngoại ngữ-Tuyên (Anh)	Địa Lí-Kiên	Ngữ văn-Diễm	Sinh học-Uyên
		2					Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)	Vật lí-Duy	Toán-Hiền	Ngữ văn-Diễm	Sinh học-Uyên
		3					Lịch Sử-Loan (Sử)	Ngữ văn-Linh (Văn)	Ngữ văn-Thành	Ngoại ngữ-Phát	Toán-Châu
		4					Địa Lí-Kiên	Ngữ văn-Linh (Văn)	Ngữ văn-Thành	Lịch Sử-Loan (Sử)	Toán-Châu
		5									
6	S	1	Vật lí-Quyên	Ngữ văn-Lan	Ngữ văn-Linh (Văn)	Toán-Tuyền (Toán)	Toán-Thoa	Tin học-ttntrieu	Lịch Sử-Diên	Hóa học-Hồng	Địa Lí-Kiên
		2	Vật lí-Quyên	Ngữ văn-Lan	HĐTN-Anh	GD QP-AN-Huân	Toán-Thoa	Ngữ văn-Linh (Văn)	Tin học-Quỳnh (Tin)	Địa Lí-Kiên	Tin học-Dung (Tin)
		3	Lịch Sử-Dung (Sử)	Toán-Hùng	HĐTN-Anh	Ngữ văn-Nhàn	HĐTN-Hương (CD)	Ngữ văn-Linh (Văn)	Tin học-Quỳnh (Tin)	Ngữ văn-Diễm	Ngữ văn-Đức (Văn)
		4	Hóa học-Hồng	Toán-Hùng	Tin học-Dung (Tin)	HĐTN-Hương (Địa)	Vật lí-Thái (Lí)	Địa Lí-Kiên	Ngữ văn-Thành	Toán-Phước	Toán-Châu
		5	Ngữ văn-Đức (Văn)	Hóa học-Duy (Hóa)	Toán-Phước	HĐTN-Hương (Địa)	Tin học-Quỳnh (Tin)	Toán-Điệp	Hóa học-Anh	Địa Lí-Kiên	Toán-Châu
	C	1	Hóa học-Hồng	Lịch Sử-Ngọc (Sử)	Hóa học-Vinh	Địa Lí-Hương (Địa)	Địa Lí-Kiên	Toán-Điệp	Lịch Sử-Diên	Toán-Phước	Ngữ văn-Đức (Văn)
		2	Ngữ văn-Đức (Văn)	Vật lí-Thái (Lí)	Hóa học-Vinh	Lịch Sử-Dung (Sử)	Địa Lí-Kiên	Toán-Điệp	Lịch Sử-Diên	Toán-Phước	HĐTN-Nhàn
		3	Toán-Châu	Vật lí-Thái (Lí)	Vật lí-Duy	Ngữ văn-Nhàn	Ngữ văn-Thành	GDKT-PL-Hương (CD)	Địa Lí-Kiên	Tin học-Dung (Tin)	Lịch Sử-Ngọc (Sử)
		4	Toán-Châu	GD QP-AN-Huân	Toán-Phước	GDKT-PL-Hương (CD)	Ngữ văn-Thành	Tin học-ttntrieu	Toán-Hiền	Tin học-Dung (Tin)	Lịch Sử-Ngọc (Sử)
		5									
7	S	1									
		2									
		3									
		4									
		5									
	C	1									
		2									
		3									
		4									
		5									

Thứ	Buổi	Tiết	10C10	10C11	10C12	10C13	10C14	10C15	10C16	10C17	11B1
2	S	1									
		2									
		3	Ngoại ngữ-Duyên	Sinh học-Thủy	Ngữ văn-Thành	Toán-Thoa	Toán-Điệp	Ngoại ngữ-Anh (Anh)	Vật lí-Quỳnh (Lì)	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Toán-Tinh
		4	Ngoại ngữ-Duyên	Toán-Thư	Ngữ văn-Thành	Ngoại ngữ-Ngọc (Anh)	Tin học-ttntrieu	Ngữ văn-Nhàn	Vật lí-Quỳnh (Lì)	HDTN-Khuong (Sinh)	GDCD-Thảo
		5	HDTN-Thái (Lì)	HDTN-Thủy	HDTN-Hương (Sì)	HDTN-Luân	HDTN-Uyên	HDTN-Vinh	HDTN-Linh (Vã)	TN-Khuong (S)	Hóa học-Việt
	C	1	Toán-Thư	Ngữ văn-Điểm	Toán-Hiền	Ngữ văn-Hằng	Ngoại ngữ-Khoa	Hóa học-Vinh	Tin học-ttntrieu	GDKT-PL-Hiền (CD)	Toán-Tinh
		2	Toán-Thư	Ngữ văn-Điểm	Toán-Hiền	Ngữ văn-Hằng	Ngoại ngữ-Khoa	Hóa học-Vinh	Ngoại ngữ-Yến	Tin học-ttntrieu	Ngữ văn-H. Đức
		3	GDKT-PL-Hiền (CD)	Lịch Sử-Loan (Sử)	Ngữ văn-Thành	Ngoại ngữ-Ngọc (Anh)	Vật lí-Quỳnh (Lì)	Toán-Ánh	Ngoại ngữ-Yến	Hóa học-Anh	Ngoại ngữ-Tín
		4	GDKT-PL-Hiền (CD)	Ngoại ngữ-Yến	Lịch Sử-Loan (Sử)	Toán-Thoa	Vật lí-Quỳnh (Lì)	Toán-Ánh	GDKT-PL-Hương (CD)	Hóa học-Anh	Ngoại ngữ-Tín
		5									
3	S	1	Ngoại ngữ-Duyên	Công nghệ-Hương (Sinh)	Công nghệ-Thanh	Vật lí-Giang	Ngữ văn-Trinh	HDTN-Vinh	Hóa học-Minh	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Ngữ văn-H. Đức
		2	Ngữ văn-Lan	Sinh học-Thủy	HDTN-Hương (Sinh)	Ngoại ngữ-Ngọc (Anh)	Ngữ văn-Trinh	Vật lí-Giang	GD QP-AN-Huân	GD QP-AN-Linh (QP)	Ngữ văn-H. Đức
		3	Ngữ văn-Lan	Sinh học-Thủy	HDTN-Hương (Sinh)	Hóa học-Duy (Hóa)	Vật lí-Quỳnh (Lì)	AVBN-Ánh (Anh)-AVBN1	Ngữ văn-Đức (Văn)	Hóa học-Anh	Công nghệ-Thanh
		4	Sinh học-Thủy	Ngoại ngữ-Yến	AVBN-B. Ngọc (Anh)-AVBN1	Ngữ văn-Hằng	Vật lí-Quỳnh (Lì)	Ngoại ngữ-Anh (Anh)	HDTN-Linh (Văn)	HDTN-Khuong (Sinh)	AVBN-AVBN2-Tín
		5	HDTN-Thái (Lì)	HDTN-Thủy	Vật lí-Duy	Công nghệ-Thanh	HDTN-Uyên	Ngữ văn-Nhàn	Vật lí-Quỳnh (Lì)	AVBN-B. Ngọc (Anh)-AVBN1	Hóa học-Việt
	C	1		Hóa học-Minh	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	AVBN-Ngọc (Anh)-AVBN1		Ngoại ngữ-Anh (Anh)		Vật lí-Giang	Hóa học-Việt
		2		Hóa học-Minh	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Ngoại ngữ-Ngọc (Anh)		Ngoại ngữ-Anh (Anh)		Vật lí-Giang	Vật lí-Lan (Lì)
		3		Ngữ văn-Điểm	Hóa học-Anh	Hóa học-Duy (Hóa)		GD QP-AN-Linh (QP)		Ngữ văn-Trinh	Ngoại ngữ-Tín
		4		Ngoại ngữ-Yến	Hóa học-Anh	GD QP-AN-Linh (QP)		Ngữ văn-Nhàn		Ngữ văn-Trinh	Ngữ văn-H. Đức
		5									
4	S	1	AVBN-AVBN1-Duyên	Toán-Thư	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Ngoại ngữ-Ngọc (Anh)	GD QP-AN-Huân	Ngoại ngữ-Anh (Anh)	Toán-Điệp	GDKT-PL-Hiền (CD)	Ngoại ngữ-Tín
		2	GD QP-AN-Hoàng	Sinh học-Thủy	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Toán-Thoa	AVBN-AVBN1-Khoa	Toán-Ánh	Toán-Điệp	Lịch Sử-Dung (Sử)	Sinh học-Cầm
		3	Địa Lí-Hương (Địa)	HDTN-Thủy	Toán-Hiền	Toán-Thoa	Toán-Điệp	Toán-Ánh	Lịch Sử-Diên	Toán-Tuyền (Toán)	Nghề-Quỳnh (Tín)
		4	Sinh học-Thủy	GD QP-AN-Linh (QP)	Toán-Hiền	HDTN-Luân	Địa Lí-Hương (Địa)	Tin học-Dung (Tín)	AVBN-Yến-AVBN1	Tin học-ttntrieu	Toán-Tinh
		5	Toán-Thư	Công nghệ-Hương (Sinh)	Lịch Sử-Loan (Sử)	Lịch Sử-Diên	Tin học-ttntrieu	Địa Lí-Hương (Địa)	Ngoại ngữ-Yến	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Toán-Tinh
	C	1									
		2									
		3									
		4									
		5									
5	S	1	Địa Lí-Hương (Địa)	Ngoại ngữ-Yến	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Vật lí-Giang	Lịch Sử-Diên	Toán-Ánh	Ngữ văn-Đức (Văn)	Toán-Tuyền (Toán)	Ngữ văn-H. Đức
		2	Tin học-ttntrieu	Ngoại ngữ-Yến	GD QP-AN-Huân	Vật lí-Giang	Toán-Điệp	Toán-Ánh	Ngữ văn-Đức (Văn)	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Ngữ văn-H. Đức
		3	Ngữ văn-Lan	Tin học-ttntrieu	Toán-Hiền	Lịch Sử-Diên	HDTN-Uyên	Vật lí-Giang	HDTN-Linh (Văn)	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	GD QP-AN-Linh (QP)
		4	Ngữ văn-Lan	AVBN-Yến-AVBN1	Tin học-ttntrieu	Tin học-Dung (Tín)	Ngoại ngữ-Khoa	Ngữ văn-Nhàn	Hóa học-Minh	Vật lí-Giang	Ngoại ngữ-Tín
		5	Lịch Sử-Ngọc (Sử)	Lịch Sử-Loan (Sử)	Hóa học-Anh	Tin học-Dung (Tín)	Ngoại ngữ-Khoa	Địa Lí-Hương (Địa)	Hóa học-Minh	Ngữ văn-Trinh	Ngoại ngữ-Tín
	C	1	Ngoại ngữ-Duyên				Hóa học-Hồng		Toán-Điệp		Nghề-Quỳnh (Tín)
		2	Ngoại ngữ-Duyên				Hóa học-Hồng		Toán-Điệp		Tin học-ttntrieu
		3	Lịch Sử-Ngọc (Sử)				Toán-Điệp		Ngoại ngữ-Yến		Tin học-ttntrieu
		4	Địa Lí-Hương (Địa)				Ngoại ngữ-Khoa		Ngoại ngữ-Yến		Địa Lí-Hoa
		5									
6	S	1	HDTN-Thái (Lì)	Ngữ văn-Điểm	Vật lí-Duy	Hóa học-Duy (Hóa)	Ngữ văn-Trinh	HDTN-Vinh	Toán-Điệp	Hóa học-Anh	Toán-Tinh
		2	Tin học-ttntrieu	Ngữ văn-Điểm	Vật lí-Duy	Hóa học-Duy (Hóa)	Địa Lí-Hương (Địa)	Lịch Sử-Dung (Sử)	Toán-Điệp	Ngữ văn-Trinh	Toán-Tinh
		3	Toán-Thư	Tin học-ttntrieu	Công nghệ-Thanh	Toán-Thoa	Toán-Điệp	Tin học-Dung (Tín)	Lịch Sử-Diên	Ngữ văn-Trinh	Lịch Sử-Ngọc (Sử)
		4	Lịch Sử-Ngọc (Sử)	Toán-Thư	Hóa học-Anh	Toán-Thoa	Toán-Điệp	Hóa học-Vinh	Hóa học-Minh	Toán-Tuyền (Toán)	Vật lí-Lan (Lì)
		5	Lịch Sử-Ngọc (Sử)	Toán-Thư	Ngữ văn-Thành	Công nghệ-Thanh	Lịch Sử-Diên	Hóa học-Vinh	Vật lí-Quỳnh (Lì)	Toán-Tuyền (Toán)	Vật lí-Lan (Lì)
	C	1	Ngữ văn-Lan	Toán-Thư	Ngữ văn-Thành	Vật lí-Giang	Ngữ văn-Trinh	Ngữ văn-Nhàn	Tin học-ttntrieu	Toán-Tuyền (Toán)	
		2	Ngữ văn-Lan	Toán-Thư	Tin học-ttntrieu	Ngữ văn-Hằng	Ngữ văn-Trinh	Vật lí-Giang	GDKT-PL-Hương (CD)	Toán-Tuyền (Toán)	
		3	Toán-Thư	Hóa học-Minh	Toán-Hiền	Ngữ văn-Hằng	Hóa học-Hồng	Vật lí-Giang	Ngữ văn-Đức (Văn)	Lịch Sử-Dung (Sử)	
		4	Địa Lí-Hương (Địa)	Hóa học-Minh	Vật lí-Duy	HDTN-Luân	Hóa học-Hồng	Lịch Sử-Dung (Sử)	Ngữ văn-Đức (Văn)	Vật lí-Giang	
		5									
7	S	1									
		2									
		3									
		4									
		5									
	C	1									
		2									
		3									
		4									
		5									

Thứ	Buổi	Tiết	11B2	11B3	11B4	11B5	11B6	11B7	11B8	11B9	11B10
2	S	1									
		2									
		3	Ngữ văn-Hằng	Sinh học-Hương (Sinh)	Ngữ văn-Luyến	Ngữ văn-Trinh	Toán-Tuyền (Toán)	Toán-Phước	Vật lí-Thái (Lí)	Toán-Khuong (Toán)	Ngữ văn-H. Đức
		4	Ngữ văn-Hằng	Toán-Khuong (Toán)	Ngữ văn-Luyến	Toán-Kieu	Ngoại ngữ-Phát	Vật lí-Lý	Vật lí-Thái (Lí)	Vật lí-Quyên	Hóa học-Việt
		5	Ngoại ngữ-Khoa	Toán-Khuong (Toán)	Ngoại ngữ-Vi	Vật lí-Quyên	Hóa học-Tuyền	Ngữ văn-Lan	Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)	Ngữ văn-Nhi	Tin học-tnttrieu
	C	1	Toán-Kieu	GDCD-Thảo					Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)	Ngữ văn-Nhi	Toán-Ri-A
		2	Toán-Kieu	Ngữ văn-Thành					Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)	Tin học-Bằng	Toán-Ri-A
		3	Vật lí-M. Linh	Tin học-Bằng					Toán-Thư	Toán-Khuong (Toán)	Hóa học-Việt
		4	Vật lí-M. Linh	Ngoại ngữ-Duyên					Toán-Thư	Toán-Khuong (Toán)	Ngữ văn-H. Đức
		5									
3	S	1	Ngữ văn-Hằng	Vật lí-Lý	Ngữ văn-Luyến	GD QP-AN-Linh (QP)	Vật lí-Thái (Lí)	Nghề-M. Linh	Ngữ văn-Thành	Ngoại ngữ-Khoa	AVBN-Vi-AVBN2
		2	Hóa học-Tuyền	Vật lí-Lý	Hóa học-Việt	Hóa học-Anh	Ngữ văn-Hằng	AVBN-AVBN2-Luân	Ngữ văn-Thành	Hóa học-Vinh	Ngoại ngữ-Vi
		3	Sinh học-Khuong (Sinh)	Ngoại ngữ-Duyên	Hóa học-Việt	Ngữ văn-Trinh	Ngữ văn-Hằng	Ngoại ngữ-Luân	Hóa học-Minh	Hóa học-Vinh	Ngữ văn-H. Đức
		4	Ngoại ngữ-Khoa	Hóa học-Minh	Ngoại ngữ-Vi	Ngữ văn-Trinh	Công nghệ-Thanh	Vật lí-Lý	GDCD-Hiên (CD)	Nghề-Hương (Sinh)	Ngữ văn-H. Đức
		5	Ngoại ngữ-Khoa	Hóa học-Minh	AVBN-Vi-AVBN2	GDCD-Thảo	Ngoại ngữ-Phát	Vật lí-Lý	GD QP-AN-Linh (QP)	Vật lí-Quyên	Sinh học-Cẩm
	C	1	GDCD-Hiên (CD)	Ngữ văn-Thành	Vật lí-Lan (Lí)	Ngoại ngữ-Luân	Sinh học-Hương (Sinh)	Nghề-M. Linh	Nghề-Quyên	Ngữ văn-Nhi	Ngoại ngữ-Vi
		2	Ngoại ngữ-Khoa	Ngữ văn-Thành	Sinh học-Cẩm	Ngoại ngữ-Luân	GDCD-Hiên (CD)	GD QP-AN-Linh (QP)	Nghề-Quyên	Ngữ văn-Nhi	Ngoại ngữ-Vi
		3	Ngoại ngữ-Khoa	Ngoại ngữ-Duyên	Ngữ văn-Luyến	Vật lí-Quyên	Ngoại ngữ-Phát	Ngoại ngữ-Luân	Sinh học-Khuong (Sinh)	GDCD-Thảo	Vật lí-M. Linh
		4	Vật lí-M. Linh	Vật lí-Lý	Ngoại ngữ-Vi	Sinh học-Khuong (Sinh)	Địa Lí-Hoa	Ngoại ngữ-Luân	Ngữ văn-Thành	Ngoại ngữ-Khoa	GDCD-Hiên (CD)
		5									
4	S	1	Toán-Kieu	Địa Lí-Hoa	Toán-Tuyền (Toán)	Ngoại ngữ-Luân	Tin học-Bằng	Sinh học-Cẩm	Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)	AVBN-AVBN2-Khoa	Ngoại ngữ-Vi
		2	Tin học-tnttrieu	Ngoại ngữ-Duyên	Toán-Tuyền (Toán)	AVBN-AVBN2-Luân	Ngoại ngữ-Phát	Tin học-Bằng	Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)	Địa Lí-Hoa	Ngoại ngữ-Vi
		3	AVBN-AVBN2-Khoa	Ngoại ngữ-Duyên	Ngoại ngữ-Vi	Lịch Sử-Loan (Sử)	Ngoại ngữ-Phát	Toán-Phước	Toán-Thư	Nghề-Hương (Sinh)	Tin học-tnttrieu
		4	Ngoại ngữ-Khoa	Nghề-Quỳnh (Tin)	GDCD-Hiên (CD)	Toán-Kieu	Toán-Tuyền (Toán)	Lịch Sử-Ngoc (Sử)	Toán-Thư	Sinh học-Khuong (Sinh)	Toán-Ri-A
		5	GD QP-AN-Linh (QP)	Tin học-Bằng	Nghề-Dung (Tin)	Toán-Kieu	Lịch Sử-Ngoc (Sử)	Ngoại ngữ-Luân	AVBN-AVBN2-Quỳnh (AV)	Ngoại ngữ-Khoa	Toán-Ri-A
	C	1									
		2									
		3									
		4									
		5									
5	S	1	Lịch Sử-Loan (Sử)	Toán-Khuong (Toán)	GD QP-AN-Linh (QP)	Hóa học-Anh	AVBN-AVBN2-Phát	Tin học-Bằng	Ngữ văn-Thành	Ngoại ngữ-Khoa	Ngoại ngữ-Vi
		2	Nghề-Dung (Tin)	Toán-Khuong (Toán)	Ngoại ngữ-Vi	Hóa học-Anh	GD QP-AN-Linh (QP)	Hóa học-Minh	Công nghệ-Thanh	Lịch Sử-Ngoc (Sử)	Địa Lí-Hoa
		3	Toán-Kieu	Ngoại ngữ-Duyên	Ngoại ngữ-Vi	Ngữ văn-Trinh	Ngữ văn-Hằng	Ngoại ngữ-Luân	Hóa học-Minh	Công nghệ-Thanh	Lịch Sử-Ngoc (Sử)
		4	Toán-Kieu	AVBN-AVBN2-Duyên	Toán-Tuyền (Toán)	Ngữ văn-Trinh	Ngữ văn-Hằng	Ngoại ngữ-Luân	Lịch Sử-Ngoc (Sử)	GD QP-AN-Linh (QP)	Ngữ văn-H. Đức
		5	Ngữ văn-Hằng	Ngữ văn-Thành	Tin học-tnttrieu	Toán-Kieu	Tin học-Bằng	Ngữ văn-Lan	Địa Lí-Hoa	Hóa học-Vinh	Công nghệ-Thanh
	C	1	Tin học-tnttrieu	Lịch Sử-Ngoc (Sử)	Toán-Tuyền (Toán)	Ngoại ngữ-Luân	Nghề-Dung (Tin)	Ngữ văn-Lan	Toán-Thư	Ngoại ngữ-Khoa	GD QP-AN-Linh (QP)
		2	Địa Lí-Kiên	Ngữ văn-Thành	Công nghệ-Thanh	Ngoại ngữ-Luân	Toán-Tuyền (Toán)	Ngữ văn-Lan	Toán-Thư	Ngoại ngữ-Khoa	Ngữ văn-H. Đức
		3	Ngữ văn-Hằng	GD QP-AN-Linh (QP)	Ngữ văn-Luyến	Tin học-Bằng	Toán-Tuyền (Toán)	Toán-Phước	Ngoại ngữ-Quỳnh (AV)	Toán-Khuong (Toán)	Nghề-Uyên
		4	Nghề-Dung (Tin)	Công nghệ-Thanh	Ngữ văn-Luyến	Nghề-Quỳnh (Tin)	Ngoại ngữ-Phát	Toán-Phước	Tin học-tnttrieu	Tin học-Bằng	Nghề-Uyên
		5									
6	S	1	Toán-Kieu	Toán-Khuong (Toán)	Hóa học-Việt	Nghề-Quỳnh (Tin)	Ngữ văn-Hằng	Công nghệ-Thanh	Ngữ văn-Thành	Ngữ văn-Nhi	Toán-Ri-A
		2	Hóa học-Tuyền	Toán-Khuong (Toán)	Toán-Tuyền (Toán)	Công nghệ-Thanh	Vật lí-Thái (Lí)	Toán-Phước	Ngữ văn-Thành	Ngữ văn-Nhi	Toán-Ri-A
		3	Hóa học-Tuyền	Ngữ văn-Thành	Toán-Tuyền (Toán)	Địa Lí-Hoa	Vật lí-Thái (Lí)	Toán-Phước	Hóa học-Minh	Toán-Khuong (Toán)	Hóa học-Việt
		4	Công nghệ-Thanh	Nghề-Quỳnh (Tin)	Địa Lí-Hoa	Vật lí-Quyên	Hóa học-Tuyền	GDCD-Thảo	Tin học-tnttrieu	Toán-Khuong (Toán)	Vật lí-M. Linh
		5	Ngữ văn-Hằng	Hóa học-Minh	Tin học-tnttrieu	Ngữ văn-Trinh	Hóa học-Tuyền	Ngữ văn-Lan	Vật lí-Thái (Lí)	Vật lí-Quyên	Vật lí-M. Linh
	C	1			Nghề-Dung (Tin)	Toán-Kieu	Ngữ văn-Hằng	Hóa học-Minh			
		2			Lịch Sử-Ngoc (Sử)	Toán-Kieu	Nghề-Dung (Tin)	Hóa học-Minh			
		3			Vật lí-Lan (Lí)	Ngoại ngữ-Luân	Toán-Tuyền (Toán)	Ngữ văn-Lan			
		4			Vật lí-Lan (Lí)	Tin học-Bằng	Toán-Tuyền (Toán)	Địa Lí-Kiên			
		5									
7	S	1									
		2									
		3									
		4									
		5									
	C	1									
		2									
		3									
		4									
		5									

Thứ	Buổi	Tiết	11B11	11B12	11B13	11B14	11B15	12A1	12A2	12A3	12A4
2	S	1									
		2									
		3	GDCD-Thảo	Toán-Thư	Ngữ văn-Lan	Ngữ văn-Nhi	Địa Lí-Hoa	Hóa học-Hồng	Sinh học-Cẩm	Ngữ văn-Diễm	Ngữ văn-Nhàn
		4	Ngoại ngữ-Tín	Nghề-Cẩm	Ngữ văn-Lan	Ngữ văn-Nhi	Toán-Phước	Hóa học-Hồng	Vật lí-Lan (Lí)	Ngữ văn-Diễm	Sinh học-Thùy
		5	Nghề-Cẩm	Ngữ văn-Luyến	Toán-Kieu	Ngoại ngữ-Tín	Toán-Phước	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Công nghệ-Lan (Lí)	Vật lí-Lý	Địa Lí-Hoa
	C	1					Toán-Phước	Địa Lí-Hương (Địa)	Ngữ văn-Nhàn	Toán-Dũng	Hóa học-Duy (Hóa)
		2					Ngoại ngữ-Tín	GDCD-Hương (CD)	Hóa học-Duy (Hóa)	Toán-Dũng	Toán-Thoa
		3					Ngữ văn-H. Đức	Ngữ văn-Hằng	Toán-Ri-A	Ngoại ngữ-Anh (Anh)	Toán-Thoa
		4					Hóa học-Vinh	Ngữ văn-Hằng	Toán-Ri-A	Ngoại ngữ-Anh (Anh)	Địa Lí-Hoa
		5									
3	S	1	Ngoại ngữ-Tín	Sinh học-Khuong (Sinh)	GDCD-Thảo	Ngữ văn-Nhi	Sinh học-Cẩm	Hóa học-Hồng	Hóa học-Duy (Hóa)	Thế dục-An	GD QP-AN-Huân
		2	Ngoại ngữ-Tín	Ngoại ngữ-Duyên	Nghề-Khuong (Sinh)	Ngữ văn-Nhi	Công nghệ-Thanh	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Ngữ văn-Nhàn	Thế dục-An	Hóa học-Duy (Hóa)
		3	AVBN-AVBN2-Tín	Nghề-Cẩm	Ngoại ngữ-Phát	Vật lí-M. Linh	Vật lí-Quyên	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Ngữ văn-Nhàn	Ngữ văn-Diễm	Vật lí-Giang
		4	GD QP-AN-Linh (QP)	Hóa học-Tuyền	Ngữ văn-Lan	Vật lí-M. Linh	Vật lí-Quyên	Sinh học-Uyên	Sinh học-Cẩm	Hóa học-Anh	Vật lí-Giang
		5	Ngữ văn-Trinh	Ngữ văn-Luyến	Ngữ văn-Lan	Sinh học-Khuong (Sinh)	Ngoại ngữ-Tín	Công nghệ-Giang	Ngoại ngữ-Yến	Hóa học-Anh	
	C	1	Ngữ văn-Trinh	Ngữ văn-Luyến	Vật lí-Thái (Lí)	Ngoại ngữ-Tín	Ngữ văn-H. Đức	Sinh học-Uyên	Ngoại ngữ-Yến	Sinh học-Khuong (Sinh)	Ngữ văn-Nhàn
		2	Hóa học-Việt	Ngữ văn-Luyến	Vật lí-Thái (Lí)	Ngoại ngữ-Tín	Ngữ văn-H. Đức	Địa Lí-Hương (Địa)	Ngoại ngữ-Yến	Vật lí-Lý	Ngữ văn-Nhàn
		3	Vật lí-Thái (Lí)	GDCD-Hiên (CD)	Hóa học-Minh	Hóa học-Việt	Nghề-Uyên	Vật lí-Giang	Vật lí-Lan (Lí)	Ngoại ngữ-Anh (Anh)	Ngoại ngữ-Tuyền (Anh)
		4	Vật lí-Thái (Lí)	Ngoại ngữ-Duyên	Hóa học-Minh	Hóa học-Việt	Ngoại ngữ-Tín	Vật lí-Giang	Hóa học-Duy (Hóa)	Ngoại ngữ-Anh (Anh)	Ngoại ngữ-Tuyền (Anh)
		5									
4	S	1	Toán-Châu	Tin học-ttntrieu	Ngoại ngữ-Phát	GD QP-AN-Linh (QP)	Nghề-Uyên	Lịch Sử-Diên	Toán-Ri-A	Sinh học-Khuong (Sinh)	Thế dục-Thuận
		2	Sinh học-Khuong (Sinh)	Toán-Thư	Toán-Kieu	Nghề-Huong (Sinh)	Ngoại ngữ-Tín	Toán-Châu	Toán-Ri-A	Ngoại ngữ-Anh (Anh)	Thế dục-Thuận
		3	Nghề-Cẩm	GD QP-AN-Linh (QP)	Toán-Kieu	Tin học-Bằng	Ngoại ngữ-Tín	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Lịch Sử-Cánh	Ngoại ngữ-Anh (Anh)	Ngoại ngữ-Tuyền (Anh)
		4	Ngoại ngữ-Tín	Ngoại ngữ-Duyên	AVBN-AVBN2-Phát	Tin học-Bằng	Toán-Phước	Thế dục-Thuận	Sinh học-Cẩm	Toán-Dũng	Ngoại ngữ-Tuyền (Anh)
		5	Ngoại ngữ-Tín	Ngoại ngữ-Duyên	Sinh học-Cẩm	GDCD-Hiên (CD)	GDCD-Thảo	Thế dục-Thuận	GD QP-AN-Huân	Toán-Dũng	GDCD-Huong (CD)
	C	1									
		2									
		3									
		4									
		5									
5	S	1	Ngữ văn-Trinh	Ngoại ngữ-Duyên	Công nghệ-Thanh	Địa Lí-Hoa	Ngoại ngữ-Tín	Ngữ văn-Hằng	Ngữ văn-Nhàn	Toán-Dũng	Ngoại ngữ-Tuyền (Anh)
		2	Ngữ văn-Trinh	Ngoại ngữ-Duyên	Tin học-Bằng	Lịch Sử-Loan (Sử)	AVBN-AVBN2-Tín	Sinh học-Uyên	Ngữ văn-Nhàn	Toán-Dũng	Ngoại ngữ-Tuyền (Anh)
		3	Tin học-Bằng	Ngữ văn-Luyến	Nghề-Khuong (Sinh)	AVBN-AVBN2-Tín	Ngữ văn-H. Đức	Toán-Châu	Tin học-Quỳnh (Tin)	GD QP-AN-Huân	Ngữ văn-Nhàn
		4	Địa Lí-Hoa	Ngữ văn-Luyến	Ngoại ngữ-Phát	Công nghệ-Thanh	Hóa học-Vinh	Toán-Châu	Địa Lí-Hương (Địa)	Hóa học-Anh	Lịch Sử-Diên
		5	Toán-Châu	AVBN-AVBN2-Duyên	Ngoại ngữ-Phát	Toán-Khuong (Toán)	GD QP-AN-Linh (QP)	Vật lí-Giang	Ngoại ngữ-Yến	Sinh học-Khuong (Sinh)	Lịch Sử-Diên
	C	1	Toán-Châu	Công nghệ-Thanh	Ngoại ngữ-Phát	Toán-Khuong (Toán)	Toán-Phước	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Ngoại ngữ-Yến	Địa Lí-Hương (Địa)	Lịch Sử-Diên
		2	Toán-Châu	Lịch Sử-Loan (Sử)	Ngoại ngữ-Phát	Toán-Khuong (Toán)	Lịch Sử-Ngoc (Sử)	Ngoại ngữ-B. Ngọc (Anh)	Ngoại ngữ-Yến	Tin học-Bằng	Toán-Thoa
		3	Công nghệ-Thanh	Toán-Thư	Địa Lí-Hoa	Ngoại ngữ-Tín	Ngữ văn-H. Đức	Vật lí-Giang	Địa Lí-Hương (Địa)	Ngữ văn-Diễm	Toán-Thoa
		4	Ngoại ngữ-Tín	Toán-Thư	GD QP-AN-Linh (QP)	Nghề-Huong (Sinh)	Ngữ văn-H. Đức	Ngữ văn-Hằng		Ngữ văn-Diễm	Công nghệ-Giang
		5									
6	S	1	Tin học-Bằng	Toán-Thư	Lịch Sử-Ngoc (Sử)	Vật lí-M. Linh	Toán-Phước	Toán-Châu	Ngữ văn-Nhàn	Lịch Sử-Dung (Sử)	GDCD-Huong (CD)
		2	Lịch Sử-Ngoc (Sử)	Toán-Thư	Hóa học-Minh	Hóa học-Việt	Hóa học-Vinh	Toán-Châu	Vật lí-Lan (Lí)	GDCD-Thảo	GDCD-Huong (CD)
		3	Toán-Châu	Vật lí-Lý	Ngữ văn-Lan	Ngữ văn-Nhi	Vật lí-Quyên	Hóa học-Hồng	Hóa học-Duy (Hóa)	Địa Lí-Hương (Địa)	Tin học-Bằng
		4	Ngữ văn-Trinh	Vật lí-Lý	Ngữ văn-Lan	Ngữ văn-Nhi	Tin học-Bằng	Ngữ văn-Hằng	Toán-Ri-A	Ngữ văn-Diễm	Ngữ văn-Nhàn
		5	Hóa học-Việt	Địa Lí-Hoa	Toán-Kieu	Toán-Khuong (Toán)	Tin học-Bằng		GDCD-Huong (CD)		Ngữ văn-Nhàn
	C	1	Toán-Châu	Hóa học-Tuyền	Vật lí-Thái (Lí)	Toán-Khuong (Toán)		GD QP-AN-Huân	Toán-Ri-A	Vật lí-Lý	Địa Lí-Hoa
		2	Hóa học-Việt	Hóa học-Tuyền	Tin học-Bằng	Toán-Khuong (Toán)		Toán-Châu	Vật lí-Lan (Lí)	Vật lí-Lý	Địa Lí-Hoa
		3	Ngữ văn-Trinh	Tin học-ttntrieu	Toán-Kieu	Ngoại ngữ-Tín		Tin học-Bằng	Thế dục-Tùng	Công nghệ-Lý	Toán-Thoa
		4	Vật lí-Thái (Lí)	Vật lí-Lý	Toán-Kieu	Ngoại ngữ-Tín		Ngữ văn-Hằng	Thế dục-Tùng	Hóa học-Anh	Toán-Thoa
		5									
7	S	1									
		2									
		3									
		4									
		5									
	C	1									
		2									
		3									
		4									
		5									

Thứ	Buổi	Tiết	12A5	12A6	12A7	12A8	12A9	12A10	12A11	12A12	12A13
2	S	1									
		2									
		3	Toán-Ảnh	Toán-Ri-A	Toán-Hiện	Vật lí-Lan (Lí)	Ngoại ngữ-Tín	Ngữ văn-Linh (Văn)	Ngoại ngữ-Ngoc (Anh)	Ngoại ngữ-Vi	Hóa học-Tuyền
		4	Toán-Ảnh	Toán-Ri-A	Toán-Hiện	Ngoại ngữ-Ảnh (Anh)	Vật lí-M. Linh	Toán-Điệp	Toán-Thoa	Ngoại ngữ-Vi	Hóa học-Tuyền
		5	Ngữ văn-Hằng	Ngoại ngữ-Ngoc (Anh)	Ngữ văn-Đức (Văn)		Vật lí-M. Linh	Hóa học-Duy (Hóa)	Vật lí-Quỳnh (Lí)	Hóa học-Hồng	
	C	1	Ngoại ngữ-Yến	Công nghệ-Lý	Tin học-Bằng	Ngoại ngữ-Ảnh (Anh)	Ngoại ngữ-Tín	Ngoại ngữ-Luân	Vật lí-Quỳnh (Lí)	Toán-Khuong (Toán)	Toán-Ảnh
		2	Hóa học-Việt	Địa Lí-Hoa	GDCD-Thảo	Toán-Tinh	Ngữ văn-Luyến	Ngoại ngữ-Luân	Vật lí-Quỳnh (Lí)	Toán-Khuong (Toán)	Ngữ văn-Nhi
		3	Địa Lí-Huong (Địa)	Địa Lí-Hoa	Hóa học-Vinh	Sinh học-Cầm	Toán-Hiện	Hóa học-Duy (Hóa)	Ngữ văn-Luyến	Địa Lí-Kiên	Ngữ văn-Nhi
		4	Địa Lí-Huong (Địa)	Ngữ văn-Nhi		Ngữ văn-Điễm	Toán-Hiện	Hóa học-Duy (Hóa)	Ngữ văn-Luyến	Địa Lí-Kiên	Ngoại ngữ-Luân
3	S	1	Vật lí-Duy	Thế dục-Thuận	Công nghệ-Quỳnh (Lí)	Ngoại ngữ-Ảnh (Anh)	Hóa học-Tuyền	Sinh học-Uyên	Ngoại ngữ-Ngoc (Anh)	Vật lí-Lan (Lí)	Thế dục-Tùng
		2	Ngoại ngữ-Yến	Thế dục-Thuận	Vật lí-Quỳnh (Lí)	Ngoại ngữ-Ảnh (Anh)	Ngữ văn-Luyến	Ngữ văn-Linh (Văn)	GDCD-Thảo	Vật lí-Lan (Lí)	Thế dục-Tùng
		3	Ngoại ngữ-Yến	Ngữ văn-Nhi	GDCD-Thảo	Thế dục-Thuận	Ngữ văn-Luyến	Ngữ văn-Linh (Văn)	Ngoại ngữ-Ngoc (Anh)	Công nghệ-Lan (Lí)	Hóa học-Tuyền
		4	Hóa học-Việt	Ngoại ngữ-Ngoc (Anh)	Hóa học-Vinh	Thế dục-Thuận	Thế dục-An	Thế dục-Tú (TD)	Ngữ văn-Luyến	Hóa học-Hồng	Ngoại ngữ-Luân
		5	Ngữ văn-Hằng	Ngoại ngữ-Ngoc (Anh)	GD QP-AN-Huân	Công nghệ-Lan (Lí)	Thế dục-An	Thế dục-Tú (TD)	Hóa học-Vinh	Ngữ văn-Linh (Văn)	Ngữ văn-Nhi
	C	1	GDCD-Thảo	GDCD-Huong (CD)	Ngữ văn-Đức (Văn)	Ngữ văn-Điễm	Hóa học-Tuyền	Hóa học-Duy (Hóa)	Vật lí-Quỳnh (Lí)	Ngữ văn-Linh (Văn)	Địa Lí-Hoa
		2	GDCD-Thảo	GDCD-Huong (CD)	Địa Lí-Hoa	Ngữ văn-Điễm	Sinh học-Khuong (Sinh)	Vật lí-Duy	Công nghệ-Quỳnh (Lí)	Ngữ văn-Linh (Văn)	Hóa học-Tuyền
		3	Địa Lí-Huong (Địa)	Ngữ văn-Nhi	Ngoại ngữ-B. Ngoc (Anh)	GDCD-Huong (CD)	Địa Lí-Hoa	Công nghệ-Duy	Sinh học-Huong (Sinh)	Ngoại ngữ-Vi	Vật lí-Quỳnh (Lí)
		4	Sinh học-Thủy	Ngữ văn-Nhi	Ngoại ngữ-B. Ngoc (Anh)	Hóa học-Tuyền	Ngữ văn-Luyến	Sinh học-Uyên	Sinh học-Huong (Sinh)	GDCD-Thảo	Vật lí-Quỳnh (Lí)
4	S	1	GDCD-Thảo	Lịch Sử-Cánh	Thế dục-An	GDCD-Huong (CD)	Toán-Hiện	Tin học-Quỳnh (Tin)	Toán-Thoa	Sinh học-Huong (Sinh)	Toán-Ảnh
		2	Ngoại ngữ-Yến	Ngoại ngữ-Ngoc (Anh)	Thế dục-An	GDCD-Huong (CD)	Toán-Hiện	Lịch Sử-Cánh	GD QP-AN-Huân	Lịch Sử-Diên	GDCD-Thảo
		3	Ngoại ngữ-Yến	Toán-Ri-A	Địa Lí-Hoa	Toán-Tinh	GD QP-AN-Huân	Ngoại ngữ-Luân	Ngoại ngữ-Ngoc (Anh)	Thế dục-Tú (TD)	Sinh học-Khuong (Sinh)
		4	Toán-Ảnh	Lịch Sử-Cánh	Ngoại ngữ-B. Ngoc (Anh)	Ngoại ngữ-Ảnh (Anh)	Địa Lí-Hoa	Toán-Điệp	Sinh học-Huong (Sinh)	Thế dục-Tú (TD)	GD QP-AN-Huân
		5	Toán-Ảnh	Sinh học-Thủy	Lịch Sử-Dung (Sử)	Ngoại ngữ-Ảnh (Anh)	Sinh học-Khuong (Sinh)	Toán-Điệp		Tin học-Quỳnh (Tin)	Địa Lí-Hoa
	C	1									
		2									
		3									
		4									
5	S	1	Lịch Sử-Dung (Sử)	Ngoại ngữ-Ngoc (Anh)	Toán-Hiện	GD QP-AN-Huân	Ngữ văn-Luyến	Ngoại ngữ-Luân	Hóa học-Vinh	Ngữ văn-Linh (Văn)	Sinh học-Khuong (Sinh)
		2	Lịch Sử-Dung (Sử)	Ngoại ngữ-Ngoc (Anh)	Toán-Hiện	Địa Lí-Huong (Địa)	Ngữ văn-Luyến	Ngoại ngữ-Luân	Tin học-Quỳnh (Tin)	Ngữ văn-Linh (Văn)	Sinh học-Khuong (Sinh)
		3	Ngoại ngữ-Yến	Địa Lí-Hoa	Lịch Sử-Dung (Sử)	Địa Lí-Huong (Địa)	Tin học-Dung (Tin)	Toán-Điệp	Ngoại ngữ-Ngoc (Anh)	Toán-Khuong (Toán)	Toán-Ảnh
		4	Tin học-Bằng	GD QP-AN-Huân	Ngoại ngữ-B. Ngoc (Anh)	Ngữ văn-Điễm	Sinh học-Khuong (Sinh)	Sinh học-Uyên	Ngoại ngữ-Ngoc (Anh)	Toán-Khuong (Toán)	Toán-Ảnh
		5	Toán-Ảnh		Ngoại ngữ-B. Ngoc (Anh)	Ngữ văn-Điễm			Ngữ văn-Luyến	Ngoại ngữ-Vi	Ngoại ngữ-Luân
	C	1	Ngữ văn-Hằng	Địa Lí-Hoa	Ngữ văn-Đức (Văn)	Tin học-Bằng	Ngoại ngữ-Tín	Ngữ văn-Linh (Văn)	Ngữ văn-Luyến	Sinh học-Huong (Sinh)	Toán-Ảnh
		2	Ngữ văn-Hằng	Tin học-Dung (Tin)	Ngữ văn-Đức (Văn)	Địa Lí-Huong (Địa)	Ngoại ngữ-Tín	Ngữ văn-Linh (Văn)	Ngữ văn-Luyến	Sinh học-Huong (Sinh)	Toán-Ảnh
		3	Công nghệ-Duy	Hóa học-Hồng	Sinh học-Huong (Sinh)	Lịch Sử-Diên	Toán-Hiện	Ngoại ngữ-Luân	Địa Lí-Kiên	Ngoại ngữ-Vi	Tin học-Dung (Tin)
		4	Toán-Ảnh	Hóa học-Hồng	Ngoại ngữ-B. Ngoc (Anh)	Lịch Sử-Diên	Toán-Hiện	Vật lí-Duy	Toán-Thoa	Ngoại ngữ-Vi	Ngoại ngữ-Luân
6	S	1	Địa Lí-Huong (Địa)	Vật lí-Lý	Ngữ văn-Đức (Văn)	Vật lí-Lan (Lí)	Hóa học-Tuyền	Địa Lí-Hoa	Thế dục-An	GD QP-AN-Huân	Vật lí-Quỳnh (Lí)
		2	Ngữ văn-Hằng	Lịch Sử-Cánh	Ngữ văn-Đức (Văn)	Lịch Sử-Diên	Công nghệ-M. Linh	Địa Lí-Hoa	Thế dục-An	Hóa học-Hồng	Vật lí-Quỳnh (Lí)
		3	Ngữ văn-Hằng	Toán-Ri-A	GDCD-Thảo	Toán-Tinh	Vật lí-M. Linh	Vật lí-Duy	Địa Lí-Kiên	Vật lí-Lan (Lí)	Công nghệ-Quỳnh (Lí)
		4	Thế dục-An	GDCD-Huong (CD)	Vật lí-Quỳnh (Lí)	Toán-Tinh	Lịch Sử-Diên	Vật lí-Duy	Lịch Sử-Cánh	Ngữ văn-Linh (Văn)	Lịch Sử-Dung (Sử)
		5	Thế dục-An	Vật lí-Lý	Lịch Sử-Dung (Sử)	Ngữ văn-Điễm	GDCD-Thảo	Ngữ văn-Linh (Văn)	Toán-Thoa		Ngữ văn-Nhi
	C	1	Lịch Sử-Dung (Sử)	Ngữ văn-Nhi	Toán-Hiện	Toán-Tinh	Ngoại ngữ-Tín	GDCD-Huong (CD)	Toán-Thoa	Vật lí-Lan (Lí)	Ngoại ngữ-Luân
		2	Vật lí-Duy	Ngữ văn-Nhi	Toán-Hiện	Toán-Tinh	Ngoại ngữ-Tín	GD QP-AN-Huân	Toán-Thoa	Hóa học-Hồng	Ngoại ngữ-Luân
		3	GD QP-AN-Huân	Toán-Ri-A	Địa Lí-Hoa	Địa Lí-Huong (Địa)	Hóa học-Tuyền	Toán-Điệp	Hóa học-Vinh	Toán-Khuong (Toán)	Ngữ văn-Nhi
		4		Toán-Ri-A	Địa Lí-Hoa	Hóa học-Tuyền	Vật lí-M. Linh	Toán-Điệp	Hóa học-Vinh	Toán-Khuong (Toán)	Ngữ văn-Nhi
7	S	1									
		2									
		3									
		4									
		5									
	C	1									
		2									
		3									
		4									

Thứ	Buổi	Tiết	12A14	12A15
2	S	1		
		2		
		3	Vật lí-M. Linh	Vật lí-Lý
		4	Địa Lí-Kiên	Toán-Tinh
		5	Ngữ văn-H. Đức	Địa Lí-Kiên
	C	1	Ngữ văn-H. Đức	Sinh học-Câm
		2	Vật lí-M. Linh	Sinh học-Câm
		3	Toán-Kieu	Công nghệ-Lý
		4	Toán-Kieu	Vật lí-Lý
		5		
3	S	1	Hóa học-Việt	Ngữ văn-Đức (Văn)
		2	Công nghệ-M. Linh	Ngữ văn-Đức (Văn)
		3	Sinh học-Uyên	Ngoại ngữ-Vi
		4	Ngoại ngữ-Tuyền (Anh)	Thê dục-Tùng
		5	Ngữ văn-H. Đức	Thê dục-Tùng
	C	1	Ngoại ngữ-Tuyền (Anh)	Sinh học-Câm
		2	Ngoại ngữ-Tuyền (Anh)	Hóa học-Anh
		3	Ngữ văn-H. Đức	Vật lí-Lý
		4		Ngữ văn-Đức (Văn)
		5		
4	S	1	Thê dục-Tú (TD)	Toán-Tinh
		2	Thê dục-Tú (TD)	Toán-Tinh
		3	GD CD-Thảo	Địa Lí-Kiên
		4	Sinh học-Uyên	Ngoại ngữ-Vi
		5	Sinh học-Uyên	Ngoại ngữ-Vi
	C	1		
		2		
		3		
		4		
		5		
5	S	1	Toán-Kieu	Tin học-Dung (Tin)
		2	Toán-Kieu	Lịch Sử-Diên
		3	Ngoại ngữ-Tuyền (Anh)	Hóa học-Anh
		4	Địa Lí-Kiên	Ngoại ngữ-Vi
		5	Ngữ văn-H. Đức	
	C	1	Ngữ văn-H. Đức	Ngoại ngữ-Vi
		2	Tin học-Quỳnh (Tin)	Ngoại ngữ-Vi
		3	Ngoại ngữ-Tuyền (Anh)	Ngữ văn-Đức (Văn)
		4	Ngoại ngữ-Tuyền (Anh)	Ngữ văn-Đức (Văn)
		5		
6	S	1	Lịch Sử-Cánh	GD CD-Thảo
		2	Toán-Kieu	Vật lí-Lý
		3	Toán-Kieu	GD QP-AN-Huân
		4	Hóa học-Việt	Ngữ văn-Đức (Văn)
		5	GD QP-AN-Huân	Toán-Tinh
	C	1	Vật lí-M. Linh	Hóa học-Anh
		2	Vật lí-M. Linh	Hóa học-Anh
		3	Hóa học-Việt	Toán-Tinh
		4	Hóa học-Việt	Toán-Tinh
		5		
7	S	1		
		2		
		3		
		4		
		5		
	C	1		
		2		
		3		
		4		
		5		